

Bản án số: 389/2021/KDTM-PT

Ngày: 23/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thu Chinh

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 và ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án sơ thẩm số 18/2020/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1257/2021/QĐPT-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH;

Địa chỉ: số K52/2C, ấp HH, xã HT, huyện H, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim L, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/02/2021); (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA;
Địa chỉ: số 10 đường số 7, Cư xá BT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T; địa chỉ:
100/2 đường C, phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện
theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/4/2021); (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH N (USA); địa chỉ:
Quốc lộ 30, phường A, thành phố A1, tỉnh Đồng Tháp; (có đơn xin vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 15/01/2018 và trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim Đào trình bày:

Ngày 18/3/2016 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH (Công ty Tân Hoàng) có ký hợp đồng mua bán số 09/2016/TH-HĐMB với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA (Công ty LA), thời hạn giao hàng từ ngày 18/3/2016 đến hết ngày 22/3/2016, số lượng hàng là 933.699kg mì lát. Thực hiện hợp đồng nêu trên Công ty TH đã cung cấp theo yêu cầu số lượng hàng cho Công ty TNHH N (là địa điểm mà Công ty LA chỉ định yêu cầu giao hàng) và xuất hóa đơn tài chính đầy đủ cho Công ty LA đã thanh toán số tiền 3.400.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm triệu đồng). Nguyên nhân Công ty TH không tiếp tục cung cấp số 566.301kg mì lát theo hợp đồng vì Công ty LA đã vi phạm nghĩa vụ 03 lần thanh toán theo giá trị lô hàng quy định tại Điều IV của hợp đồng cụ thể:

- Lần giao hàng thứ nhất: Từ ngày 18/3/2016 đến ngày 19/3/2016 nguyên đơn đã giao cho bị đơn 479.276kg với giá trị 1.821.248.800 đồng (một tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm đồng); theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000301 ngày 19/3/2016;

- Lần giao hàng thứ hai: Ngày 21/3/2016 nguyên đơn giao cho bị đơn 141.791kg với giá trị 538.805.800 đồng (năm trăm ba mươi tám triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, tám trăm đồng); theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000304 ngày 21/3/2016;

- Lần giao thứ ba: Ngày 23/3/2016 nguyên đơn giao cho bị đơn số lượng 195.874kg với giá trị 744.321.200 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm đồng); theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000307 ngày 23/3/2016;

Sau 03 lần giao hàng trên, nguyên đơn đã giao cho bị đơn với tổng giá trị là 3.104.375.800 đồng (ba tỷ, một trăm lẻ bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm đồng. Tuy nhiên, đến ngày 23/3/2016 Công ty LA mới thanh toán số tiền

1.700.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Qua 03 đợt giao hàng trên phía bị đơn chỉ tạm ứng cho 03 đợt hàng trên 1.700.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm triệu đồng) theo chứng từ giao dịch giấy báo số Hợp đồng 230316.4644.0000001 ngày 23/3/2016 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – chi nhánh Tây Ninh. Mặc dù bị đơn không thanh toán đúng hạn, nhưng vì chỗ làm ăn nên nguyên đơn đồng ý giao tiếp thêm đợt hàng nữa để bị đơn có điều kiện thanh toán.

- Lần giao thứ tư: 25/3/2016 nguyên đơn tiếp tục giao hàng 107.758kg với giá trị 409.480.400 đồng (bốn trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng đến ngày 04/4/2016 mới chỉ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu).

Đến ngày 28/3/2016 Công ty LA mới thanh toán thêm 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), ngày 30/3/2016 thanh toán số tiền 800.000.000 đồng (cho 03 đợt hàng ngày 19/3/2016 – 23/3/2016), Công ty LA còn nợ 348.056.200 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng. Sau đó, đến ngày 04/4/2016 Công ty LA thanh toán thêm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) còn lại 148.056.200 (một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) đồng thì ngưng.

- Lần giao thứ tư: 25/3/2016 nguyên đơn tiếp tục giao hàng 107.758kg với giá trị 409.480.400 đồng đến ngày 04/4/2016 mới chỉ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu).

Tổng 04 Lần thanh toán, Công ty LA đã thanh toán số tiền 3.400.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm triệu).

- Ngày 29/4/2016 sau khi đối chiếu số lượng hàng, nguyên đơn chỉ xuất hóa đơn giá trị gia tăng thêm 9.000kg với giá trị 34.200.000 đồng (không cung cấp hàng).

Hiện tại số tiền Công ty LA còn nợ Công ty TH là 148.056.200 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) chưa thanh toán.

Mặc dù Công ty TH đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu Công ty LA thanh toán, tuy nhiên Công ty LA không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty TH yêu cầu Công ty LA thanh toán số tiền còn nợ là 148.056.200 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước là 9%/năm tính từ tháng 11/5/2016 đến khi xét xử. Yêu cầu trả nợ số tiền chưa thanh toán và lãi 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Tại phiên tòa hiện nay:*

Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như trình bày trên. Đồng thời, nguyên đơn trình bày rõ tại các lần giao hàng cho bị đơn cụ thể :

+ Lần giao thứ 1: Từ ngày 18/3/2016 đến ngày 19/3/2016 nguyên đơn đã giao cho bị đơn 479.276kg với giá trị 1.821.248.800 đồng ; Hóa đơn giá trị gia tăng 0000301 ngày 19/3/2016

+ Lần giao thứ 2: Ngày 21/3/2016 nguyên đơn giao cho bị đơn 141.791kg với giá trị 744.321.200 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng 0000304 ngày 21/3/2016

+ Lần giao thứ 3: Ngày 22/3/2016 giao 204.874kg tương đương 778.521.200 đồng. Sau đó công ty TH xuất 2 lần hóa đơn giá trị gia tăng cho đợt nhận hàng này: hóa đơn giá trị gia tăng 0000307 ngày 23/3/2016 số lượng 195.874kg tương đương 744.321.000 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng 0000339 ngày 29/4/2016 9000kg tương đương 34.200.000 đồng (ba mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng).

+ Lần giao thứ 4: Ngày 25/3/2016 xuất hóa đơn giá trị gia tăng 0000309 số lượng hàng 107.758kg tương đương 409.480.200 đồng (bốn trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng). Cho 2 đợt hàng công ty TH đã giao vào ngày 23/3/2016 đã giao 36.400kg và ngày 24/3/2016 đã giao 71.358kg (tổng cộng 107.758kg).

Số tiền công ty LA đã chậm thanh toán cho nguyên đơn không đúng theo thời gian và không đầy đủ cụ thể:

Ngày 23/3/2016 thanh toán 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu)

Ngày 28/3/2016 thanh toán 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu)

Ngày 30/3/2016 thanh toán 800.000.000 đồng (tám trăm triệu)

Đến thời gian này bị đơn thanh toán chậm, không đủ và còn nợ lại 348.056.200 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) thì ngừng không thanh toán tiếp. Đến ngày 04/04/2016 thanh toán thêm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) thì ngưng đến nay không trả.

-Về yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán, để tiện cho việc tính lãi nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 16/5/2016 đến ngày xét xử (không tính từ ngày 11/5/2016 như đã trình bày trên). Nguyên đơn cũng xác định công ty N không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Bị đơn vẫn giữ như yêu cầu nêu trên và trình bày: Bị đơn thống nhất với số lượng hàng hóa đã nhận và số tiền bị đơn chưa thanh toán như nguyên đơn

yêu cầu; bị đơn cũng thừa nhận trong các đợt hàng đã nhận xong, phía bị đơn có thanh toán chậm và chưa đầy đủ với số tiền từng đợt hàng.

A/ Việc giao nhận hàng cụ thể như sau:

-Ngày 18/3/2016 đến 19/3/2016 (giống lần 1 nguyên đơn trình bày)

-Ngày 21/3/2016 đến Bị đơn nhận 141.791kg = 538.805.800 đồng (năm trăm ba mươi tám triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, tám trăm đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000304 ngày 21/3/2016.

-Ngày 22/3/2016 đến Bị đơn nhận 204874kg = 778.521.200 đồng (bảy trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, hai trăm đồng). Tuy nhiên, công ty TH đã xuất 2 hóa đơn giá trị gia tăng cho đợt nhận hàng này gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0000307 ngày 23/3/2016 số lượng 195.874kg = 744.321.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi một nghìn)

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0000309 ngày 29/4/2016 số lượng 9000kg = 34.200.000 đồng (ba mươi bốn triệu)

- Ngày 23/3/2016 đến Bị đơn nhận tiếp 36.400kg và ngày 24/3/2016 nhận 71.358kg . Công ty TH đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000309 ngày 25/3/2016 tổng cộng 107.758kg = 409.480.400 đồng (bốn trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng). Do đó, đợt cuối nhận hàng ngày 24/3/2016 bị đơn thừa nhận chưa thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 1.848.056.200 đồng (1.813.856.200 đồng + 34.200.000 đồng).

Đến ngày 30/3/2016 bị đơn chỉ thanh toán thêm tổng cộng 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu) và còn nợ lại 348.056.200 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng). Sau đó, đến ngày 29/4/2016 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thì ngưng, hiện còn nợ lại 148.056.200 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng) chưa thanh toán.

Bị đơn cũng thừa nhận công ty trách nhiệm hữu hạn N không liên quan đến yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, không liên quan đến phản tố, cũng như đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, nên đề nghị tòa án xác định công ty N không có nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (USA) có văn bản trả lời:

- Tranh chấp giữa công ty TH và công ty LA không liên quan tới công ty N.

- Ngày 26/01/2016 công ty trách nhiệm hữu hạn N có ký hợp đồng mua mì lát với công ty LA, điều kiện và điều khoản đã thể hiện trong hợp đồng. Công ty đã nhận hàng hóa và thanh toán đủ theo từng đợt giao hàng, số lượng thể hiện trên từng hóa đơn mà công ty LA đã xuất cho công ty trách nhiệm hữu hạn N.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn N xác định không liên quan đến vụ án và có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2020/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 11 đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH số tiền 205.798.092 đồng (trong đó số tiền vốn mua hàng chưa thanh toán là 148.056.200 đồng, tiền lãi 57.741.892 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH theo mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH bồi thường 10/% giá trị hợp đồng bằng số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/9/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

- Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chính xác, làm thiệt hại quyền và lợi ích của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2020/KDTM-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA đã kháng cáo toàn bộ Bản án số 18/2020/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo toàn bộ Bản án 18/2020/KDTMST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn xác nhận hai công ty có ký Hợp đồng mua bán số 09/2016/TH-HĐMB giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH (Công ty Tân Hoàng), số lượng hàng là 933.699 kg mì lát trị giá 3.548.056.200 đồng, thời hạn giao hàng từ ngày 18/3/2016 đến hết ngày 22/3/2016. Các bên đã giao và nhận hàng hóa với số lượng như đã ký hợp đồng nhưng phía công ty LA chỉ thanh toán được 3.400.000.000 đồng thì ngưng đến nay không thanh toán như vậy công ty LA còn thiếu công ty TH 148.056.200

đồng. Do đó, công ty TH yêu cầu công ty LA thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu 148.056.200 đồng là có căn cứ Hội Đồng Xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty TH, buộc công ty LA thanh toán cho công ty TH số tiền 148.056.200 đồng.

Về yêu cầu công ty LA phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Căn cứ hợp đồng thì các bên không có không thỏa thuận về nghĩa vụ chậm thanh toán, nhưng công ty LA đã chậm thanh toán tiền mua hàng còn thiếu từ tháng 5/2016 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại thì công ty TH có quyền yêu cầu công ty LA trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Cấp sơ thẩm đã thu thập lãi suất ba ngân hàng về mức lãi suất trung bình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng là doanh nghiệp tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn- chi nhánh quận 11; ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Sài Thành; ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam thì mức lãi suất trung bình tối đa 150% mức lãi suất cho vay là 12,65% năm. Theo quy định tại quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay là 9% năm. Do đó, công ty TH chỉ yêu cầu mức lãi suất 9% năm để yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền công ty LA còn thiếu là có căn cứ, có lợi cho công ty LA.

Tiền lãi cụ thể được tính từ ngày 16/5/2016 đến ngày xét xử.

Cụ thể: $(148.056.200 \times 9\% \text{ năm}) \times 52 \text{ tháng} = 57.741.918 \text{ đồng}$.
Vốn + lãi: 148.056.200 đồng + 57.741.918 đồng = 205.798.118 đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của công ty TH là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Hội Đồng Xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty TH buộc công ty LA thanh toán cho công ty TH tiền vốn và lãi là 205.798.118 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Công ty LA cho rằng công ty TH không giao hàng đúng theo thỏa thuận là vi phạm điều VI của hợp đồng mua bán nên yêu cầu công ty TH có trách nhiệm bồi thường 10% giá trị hóa đơn cho bên còn lại tương đương số tiền 570.000.000 đồng. Theo thỏa thuận hợp đồng đã ký; các hóa đơn chứng từ nhận hàng; hóa đơn thanh toán tiền; sự thừa nhận của công ty LA thì phía công ty LA đã nhận từng đợt hàng cụ thể như đã trình bày; từ ngày 18/3/2016 đến ngày 25/3/2016 đã nhận (5 đợt) tổng cộng số lượng hàng đã nhận 933.699kg với tổng

số tiền là 3.548.056.200 đồng, nhưng chỉ mới thanh toán 1.700.000.000 đồng (ngày 23/3/2016) là đã không thực hiện đúng nội dung hợp đồng. Sau đó, đến ngày 30/3/2016 chỉ thanh toán thêm 1.500.000.000 đồng vẫn còn thiếu công ty TH số tiền 348.056.200 đồng. Đến ngày 29/4/2016 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng, vẫn còn nợ lại 148.056.200 đồng chưa thanh toán hết. Như vậy, công ty LA đã không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng mua bán (điều IV), vi phạm thời hạn thanh toán. Cho nên bị đơn không thể nêu rõ lý do phía công ty TH không giao đủ số hàng đúng hạn để yêu cầu bồi thường .

Về các khoản thiệt hại khác, phía công ty LA cũng thừa nhận và xác định không có chứng cứ để chứng minh cho việc có tổn thất và thiệt hại thực tế xảy ra do công ty TH vi phạm việc giao hàng không đúng theo hợp đồng đã ký để yêu cầu bồi thường. Căn cứ theo Điều 303, Điều 304 luật thương mại 2005 nghĩa vụ chứng minh tổn thất thuộc về công ty LA. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền công ty LA xác nhận không chứng minh được tổn thất và cũng không có chứng cứ gì mới để giao nộp cho cấp phúc thẩm. Với những căn cứ trên Hội đồng Xét xử phúc thẩm xét thấy, yêu cầu phản tố và những nội dung kháng cáo của công ty LA là không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu của công ty LA.

Quá trình giải quyết vụ án, phía công ty TH và công ty LA cũng thừa nhận công ty N không liên quan đến yêu cầu khởi kiện cũng như không liên quan đến yêu cầu phản tố của bị đơn. Công ty TNHH N cũng xác định không liên quan đến tranh chấp của các bên và có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. Xét thấy, công ty TNHH N không liên quan đến yêu cầu tranh chấp của các bên. Đồng thời, cũng không làm phát sinh và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TNHH N nên cấp sơ thẩm không đề cập xem xét giải quyết trong phần quyết định là có cơ sở.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Yêu cầu kháng cáo của Công ty LA không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2020/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH số tiền 205.798.092 đồng (trong đó số tiền vốn mua hàng chưa thanh toán là 148.056.200 đồng, tiền lãi 57.741.892 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH theo mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH bồi thường 10/% giá trị hợp đồng bằng số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Về án phí:

- Án phí doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.289.905 đồng (mười triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm lẻ năm đồng);

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 26.800.000 đồng

Tổng số tiền án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải chịu là 37.089.905 đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA đã nộp là 13.400.000 đồng, theo Biên lai số AA/2016/0009018 ngày 23/7/2018. Số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA còn phải nộp

là 23.689.905 đồng (hai ba triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 3.701.405 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TH theo biên lai thu số AA/2016/0008720 ngày 17/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông - Lâm - Ngư nghiệp NLA phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015929 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 11;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo